

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 123

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:

Sáng: Cháo cá thu, đậu xanh, bí đỏ, nắm đùi gà, rau ngót, hành phi, hành lá, ngò rí
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Đậu hũ nhồi thịt heo, bắp mỹ, nắm mè� sốt cà chua, hành lá, ngò rí
- Canh bí xanh nấu tôm khô, nắm rom, hành lá, ngò rí
- Đậu cove luộc
Xế: Bánh Pudding trứng sữa
Xế chiều: Bún gạo xào thịt gà, giá, cà rốt, su su, bắp cải, hẹ lá, nắm kim châm

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	800	3,140	25,120
2	0270	Dầu thảo mộc (Lạc, vừng, cám...)	1,000	6,280	62,800
3	0494	Đường cát	1,400	3,880	54,320
4	N0966	Muối Iot	900	740	6,660
5	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	1,800	4,180	75,240
6	0004	Gạo tẻ máy	8,700	2,560	222,720
7	0120	Hành lá (hành hoa)	350	5,360	18,760
8	0164	Rau mùi (ngò rí)	250	8,820	22,050
9	0185	Tỏi ta	200	7,350	14,700
10	0119	Hành tím (hành củ tươi)	200	5,780	11,560
11	0002	Gạo nếp (loại thường)	1,300	3,050	39,650
12	0059	Đậu xanh	250	6,200	15,500
13	0085	Bí đỏ (bí ngô)	800	3,360	26,880
14	0635	Nắm đùi gà	300	9,560	28,680
15	0168	Rau ngót	400	5,150	20,600
16	N0798	Cá thu phi lê	1,900	38,850	738,150
17	N0809	Đậu hũ chiên	2,850	3,800	108,300
18	0207	Nắm mè� (Mộc nhĩ)	80	15,950	12,760
19	0007	Ngô bắp tươi	700	3,990	27,930
20	0087	Cà chua	2,100	5,670	119,070
21	0300	Thịt ba chỉ (nửa nạc, nửa mỡ)	1,100	21,320	234,520
22	N0770	Thịt nạc dăm	2,200	18,800	413,600
23	0426	Tôm khô	200	78,100	156,200
24	0084	Bí đao (bí xanh)	2,800	4,310	120,680

25	0052	Đậu cô ve (hạt)	1,100	5,150	56,650
26	0211	Nấm rơm	600	13,130	78,780
27	N0956	Bún gạo 3 Cây dừa	3,100	4,950	153,450
28	0092	Cải bắp	600	5,460	32,760
29	0089	Cà rốt	600	5,780	34,680
30	0118	Giá đậu xanh	500	2,520	12,600
31	0124	Hệ lá	150	4,520	6,780
32	N0965	Nấm kim châm	300	10,610	31,830
33	0180	Su su	500	3,050	15,250
34	N0772	Thịt ức gà	1,800	12,920	232,560
35	0646	Bánh pudding	4,920	11,800	580,560
36	0457	Sữa bột toàn phần	3,603.19	20,500	738,654
Tổng chợ					4,551,004

Tổng tiền thực phẩm	4,551,004
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	4,551,001
Số dư đầu ngày	1
Số dư cuối ngày	-3
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	109,261,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	109,261,002

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan